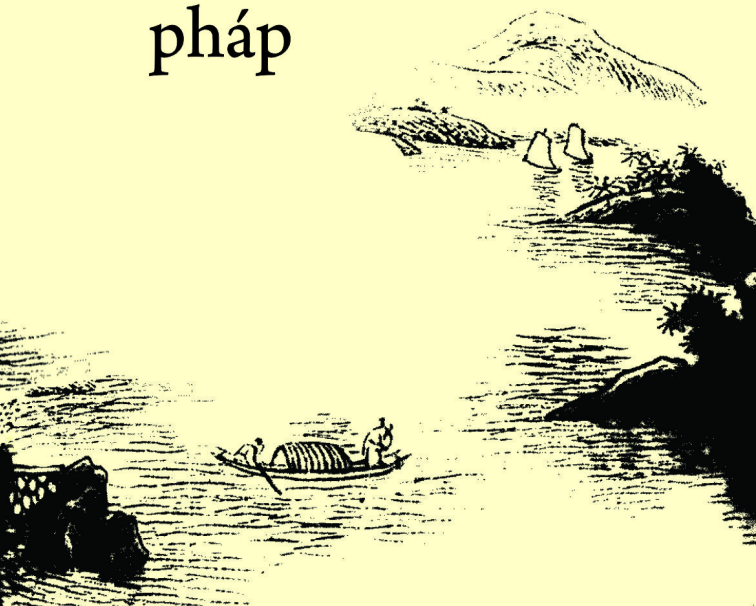


HẠNH HUỆ

Chiếc
bè
chánh
pháp



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ

Chiếc bè chánh pháp

www.vienchieuonline.com

Chiếc
bè
chánh
pháp

Dức Phật nói rằng, giáo pháp của đức Như Lai như chiếc bè đưa người ta qua sông sanh tử – sông khổ não, để đáo bỉ ngạn – đến bờ bên kia. Thường thì khi qua sông rồi chúng ta sẽ bỏ bè, nhưng khi chưa qua sông, có ai lại nói không cần bè hay không? Vì thế, hôm nay, tôi muốn nói với quý vị về chiếc bè này – Chiếc bè chánh pháp.

Có một câu chuyện ngụ ngôn nói lên nguyên do cần chiếc bè để vượt qua bờ mê đến bến giác. Câu chuyện như thế này:

“Có một ông trưởng giả rất giàu có. Ông sống trong một ngôi nhà rất kiên cố, gồm có sáu cửa. Gia nhân trong nhà được ông xem như con cái của mình. Nhưng trong số đó lại có mười tên làm nội ứng, móc nối với bọn ăn cướp bên ngoài. Bọn chúng cứ lấy đồ trong nhà chuyễn qua sáu cửa cho những tên cướp này. Một hôm, trưởng giả phát hiện ra mình bị mất của quá nhiều. Ông rất đau khổ. Nhưng ông không biết là ai đã hại mình như vậy.

Do buồn bã, một hôm ông đi lang thang và gặp một đạo sĩ. Ông bèn kể lại chuyện của mình cho vị đạo sĩ nghe. Đạo sĩ liền hỏi: “Nhà ông có mấy cửa?”. Ông trả lời có sáu cửa. Đạo sĩ dặn: “Ông hãy về đóng kín năm cửa kia, chỉ chừa lại cửa cái thôi. Như vậy thì đũa nào ra vào ông sẽ biết liền”. Trưởng giả nghe xong, về nhà làm theo lời của đạo sĩ. Từ đó, trở đi,

ông thấy cửa cái không bị chuyễn đi nhiều như trước đây, nhưng vẫn còn bị thất thoát.

Ông lại đi gặp đạo sĩ. Đạo sĩ giải thích rằng những tên gia nhân đó đã theo ông quá lâu, cho nên biết hết mọi sinh hoạt của ông. Bọn chúng cũng theo ông đi vào, đi ra. Những khi ông ở nhà thì bọn chúng không dám nhưng khi ông vắng thì bọn chúng lại chuyễn đồ đi. Cho nên bây giờ nơi cửa đó, ông nên kiểm soát chặt chẽ hơn. Ông nghe lời vị đạo sĩ về nhà tăng cường kiểm soát. Điều này khiến cho mười tên gia nhân rất tức tối. Chúng bèn bàn với nhau định giết ông.

Trưởng giả biết được sợ quá, lại chạy tìm đạo sĩ. Đạo sĩ đề nghị ông cứ theo cửa chính chạy thẳng ra bờ sông. Trưởng giả nghe lời chạy đến bờ sông, gặp một bãi cát thật mát mẻ,

ông cảm thấy an ổn, cho rằng bọn cướp sẽ không đuổi theo mình nữa. Nhưng đạo sĩ cho ông hay bọn giặc đang đuổi theo phía sau. Ông phải làm bè để qua những hòn đảo bên kia thì mới an ổn.

Nghe vậy, ông liền lấy tám tấm gỗ rồi dùng ba sợi giây buộc chúng lại thành một chiếc bè. Khi ông vừa lên bè thì những tên giặc cũng đến nơi và chúng bèn lội đuổi theo.

Đến hòn đảo thứ nhất, thì ba trong số mười tên giặc chết. Ông mừng lắm và định ở lại đây, nhưng vị đạo sĩ bảo rằng không được, bảy tên còn lại vẫn rượt theo và đang lên đến bờ.

Ông liền xuống bè, chèo đi tiếp. Bảy tên giặc đuổi theo, giữa đường thì hai tên ngất ngư. Khi ông đến đảo thứ hai, đạo sĩ vẫn khuyên ông nên chạy tiếp.

Khi ông đến được đảo thứ ba thì hai tên kia chết, chỉ còn lại năm tên.

Và cho đến khi ông lên được hòn đảo thứ tư thì năm tên còn lại cũng chết luôn. Bấy giờ đạo sĩ mới nói, “Ông có thể an ổn mà an trú ở trên đảo này”.

Ông trưởng giả đó không ai khác hơn chính là chúng ta. Còn mười tên giặc nuôi trong nhà mà chúng ta coi như con, đó chính là tham, sân, si, trạo cử, vô minh, ngã mạn, giới cấm thủ, thân kiến, ác kiến, hoài nghi,... sáu cửa trong ngôi nhà kiên cố chính là sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Và vị đạo sĩ – người bày cách để trưởng giả có thể tiêu diệt mười tên giặc mà sống một đời sống an ổn, là hình ảnh tượng trưng cho Phật, cho những bậc tri thức. Khi vị đạo sĩ yêu cầu trưởng giả về nhà đóng năm cửa lại tức là phải đóng năm giác quan

mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và chỉ chừa lại một cửa ý để theo dõi cho kỹ. Vì nếu cửa ý buông lung thì những tên giặc kia vẫn có thể chạy ra, chạy vào thoải mái. Cho nên, chúng ta cần phải phải nương theo cửa ý, phải thu nhiếp vào một chỗ. Nhưng khi chúng ta bị những tên giặc này đuổi, nếu chỉ chạy ra được tới bờ biển – tượng trưng cho các cảnh giới định như sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên... rồi dừng thì vẫn chưa giải quyết được đau khổ sanh tử, vì những tên giặc vẫn sát cánh với chúng ta tức là những tập khí, những xấu xa, những cái ác vẫn còn tiềm ẩn nơi chúng ta. Vì vậy, muốn vượt qua được dòng sông sanh tử khổ não này chỉ còn một cách là phải dùng bè.

Hình ảnh chiếc bè ở đây với tám tấm gỗ là hình ảnh tượng trưng cho bát chánh đạo; chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh

mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Và để kết nối tám tấm gỗ đó lại với nhau thành một chiếc bè thì cần phải có ba sợi dây là giới, định, huệ.

Khi chúng ta đến được hòn đảo thứ nhất, ấy chính là chúng ta đã nhập vào dòng Thánh (Sơ quả Tu-đà-hoàn hay còn gọi là Nhập lưu hoặc Nghịch lưu). Theo dòng đời là chạy theo danh lợi, tài sắc, tiền bạc... nhập vào dòng Thánh tức là đi ngược lại với dòng đời. Vì thế, để đặt chân được lên hòn đảo thứ nhất, được nhập vào dòng Thánh thì ba tên giặc đầu tiên phải tiêu trừ, đó chính là thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ.

- Thứ nhất Thân kiến là những cái nhìn sai lầm về thân khi cho thân này là thật, thường hằng, bất biến, sạch sẽ... Và vì cho rằng mình bất tử nên mới tính chuyện lâu dài, mới lo bươn chải làm giàu, lập sự nghiệp

công danh, rồi gây gổ, kiện tụng... Một triết gia từng nói “Điều đặc biệt kỳ lạ nhất trong cuộc đời này là tất cả mọi người rồi ai cũng phải chết, mà ai cũng nghĩ là mình bất tử”. Nhưng với cái nhìn chính xác, chúng ta có thể nhận ra rằng toàn thân này vốn là bất tịnh, vô thường...

- Thứ hai là chúng ta phải dứt được là sự Hoài nghi. Mà hoài nghi cụ thể ở đây là không tin vào luật nhân quả, vào chánh pháp. Trong khi đó, chúng ta cần phải tin sâu rằng có đời này sẽ có đời sau, làm lành sẽ gặp lành, làm ác sẽ gặp ác... theo đúng chánh pháp sẽ được giải thoát...

- Thứ ba là Giới cấm thủ, có nghĩa là chúng ta cố giữ gìn những điều cấm kỵ không đúng chánh pháp. Chẳng hạn như ca dao mình có câu “Mùng năm, mười bốn, hăm ba. Đi chơi cũng thiệt lộ là đi buôn” khiến cho

nhiều người ngại ra đường vào những ngày này; hay tang ma, cưới hỏi... đều phải chạy tới, chạy lui để coi ngày, coi giờ... Ngoài ra như các ngoại đạo ở Ấn Độ giữ nhiều giới lạ lùng như co một chân, giơ hai tay lên trời, hoặc sống theo cách sống của một số loài vật...

Rời hòn đảo thứ nhất, đến hòn đảo thứ hai, thì hai trong số những tên giặc còn lại ngất ngư. Hòn đảo này tượng trưng quả Tư-đà-hàm (còn gọi là Nhất lai, nghĩa là còn trở lại một lần nữa). Đến được đây thì chúng ta đã giảm bớt đi tham (dục ái) và sân. Dục ái là tham muốn cõi Dục giới này và sân khi gặp việc không vừa ý. Do đã có chánh kiến và niềm tin, chúng ta nhìn cuộc đời chỉ như giấc mộng, mọi thứ đều giả tạm và qua mau thì tham sân nhẹ bớt.

Để đến được hòn đảo thứ ba, là đạt được quả A-na-hàm (còn gọi là

Bất lai, có nghĩa là không trở lại nữa), thì hai tên giặc tham và sân hết sạch.

Đến được hòn đảo thứ tư – quả A La Hán thì sắc ái - tham đắm cõi Sắc, vô sắc ái – tham đắm cõi Vô Sắc, ngã mạn, trạo cử, vô minh đều dứt sạch, không còn bị ràng buộc bởi luân hồi sanh tử, hoàn toàn giải thoát.

Hành trình đi từ bờ mê đến bến giác, chúng ta lúc nào cũng cần phải có chiếc bè gồm tám miếng gỗ Bát chánh đạo được ràng bằng ba dây giới, định, huệ. Bát chánh đạo là:

1- *Chánh kiến*: Chúng ta phải có cái thấy chân chánh để nhận ra được chân lý. Theo thế gian là biết rõ đúng sai, thiện ác. Theo Phật dạy thì biết rõ nhân quả để làm lành lánh dữ, đi tu thì biết đâu là nhân gây luân hồi sanh tử, đâu là nhân đưa đến Niết-bàn an lạc. Riêng Thiên tông thì quan trọng việc nhận ra tánh, rõ được tâm – minh tâm

kiến tánh. Tất cả chúng ta đều có Phật tánh, nhưng vì do tập khí vô minh hay duyên theo cảnh bên ngoài để phân biệt rồi thương ghét, lấy bỏ... đi lệch khỏi bản tánh chân thật của mình. Vì vậy, để nhận ra Phật tánh nơi mình thì chúng ta phải bỏ những vọng tưởng điên đảo, phải thấu rõ bản chất của chúng vốn vô thường, luôn biến đổi, bất thực. Trong kinh Lăng Nghiêm, Phật chỉ rõ cách nhận ra nơi mình có cái không sanh diệt, như đoạn hỏi vua Ba-tư-nặc.

Đức Phật hỏi vua Ba-tư-nặc: “Đại Vương, thấy nước sông Hằng hồi bao nhiêu tuổi?”. Vua Ba-tư-nặc trả lời rằng: “Lúc nhỏ, trăm được mẹ bế đi lễ chùa, đã thấy nước sông Hằng rồi”. Đức Phật lại hỏi: “Rồi bây giờ, đại vương có thấy nước sông Hằng không?”. Vua Ba-tư-nặc trả lời: “Từ hồi đó đến giờ, trăm vẫn thấy nước sông Hằng”. Đức Phật hỏi tiếp: “Vậy

đại vương thấy nước sông Hằng bây giờ với hồi đó có khác nhau không?”. Vua Ba-tư-nặc đáp: “Sông Hằng thì có thay đổi, con mắt thì có lúc thấy rõ, thấy mờ nhưng tánh thấy thì không thay đổi”. Đức Phật mới kết luận rằng cái gì không thay đổi là mình. Còn cái thay đổi thì không phải là mình.

Như vậy, khi có chánh kiến, khi nhận ra Tánh bất sanh bất diệt, chúng ta sẽ thoát khỏi khổ não sinh tử và đến được bờ hạnh phúc.

2- *Chánh tư duy*: Chúng ta có chánh kiến, thấy đúng nhưng nhiều khi do tập khí quá nhiều, mình cứ bị dính bám vào những vật vô thường, khổ não mà mình không biết. Trong Kinh Pháp Cú, câu 251 đã viết: “Không có lửa nào như lửa tham. Không có ngục tù nào như lòng sân hận. Không có lưới nào như lưới vô minh. Và không có dòng sông nào

như dòng sông ái dục”. Bây giờ thì mình phải hằng quan sát, suy nghĩ, quán chiếu thật kỹ và dùng tư duy chân chánh, để bỏ bớt những cái tham, sân, si, ái dục đó đi. Bên cạnh đó, chúng ta phải phát huy thêm tâm từ bỏ, khởi tâm từ, tâm bi, tức là chan trải tình thương rộng lớn đối với những người xung quanh mình.

3- *Chánh ngữ*: Chúng ta không dùng những lời lẽ cay nghiệt để xúc xiểm, lừa gạt hay châm chọc gì ai; không nói những lời vô ích mà luôn dùng lời lẽ nhã nhặn với nhau, nói những lời chân chánh giúp mọi người giảm thiểu phiền não, giúp người tỉnh ngộ.

4- *Chánh nghiệp*: Nghiệp ở đây là thói quen. Do vậy, cần phải cẩn thận giữ thân, khẩu, ý của mình cho thanh tịnh; cần tránh nghiệp ác, luôn làm nghiệp thiện. Cố gắng giữ tâm trong

sạch đừng tham sân si, thân đừng phạm sát sanh, trộm cắp, tà dâm và luôn chánh ngữ.

5- *Chánh mạng*: Cần cố gắng sống đời sống chân chánh. Trong xã hội, mỗi người một nghề, nghề nào cũng cao quý, miễn chúng ta làm với tâm trong sạch, cần phải nhận rõ rằng nghề nào cũng giúp chúng ta sống đỡ, sống tạm trong trường đời để tăng trưởng đạo tâm.

6- *Chánh tinh tấn*: Tinh tấn có nghĩa là siêng năng. Trong cuộc sống, để giỏi một ngành nghề nào đó, chúng ta đều phải trải qua quá trình luyện tập bền bỉ bởi “trăm hay cũng không bằng tay quen”. Tu cũng vậy, để bỏ những thói quen, tập khí từ lâu đời... cần phải có sự siêng năng, kiên trì nhiều hơn.

7- *Chánh niệm*: Chú tâm vào một chỗ, không khởi những tư

tưởng bất thiện.

8- *Chánh định*: Tâm luôn kiên định không bị cảnh chi phối, không rong ruổi theo sáu trần.

Có thể tóm tắt, bát chánh đạo là giữ ba nghiệp thân (chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn), miệng (chánh ngữ), ý (chánh kiến, chánh tư duy, chánh niệm, chánh định) cho thanh tịnh.

Như thế, chúng ta cần phải phát hiện những tên giặc trong tâm mình, không để chúng lộng hành làm hao tổn kho báu nhà mình và có đủ giới định huệ để cột chiếc bè bát chánh mà chèo qua sông.

Thêm một tầng nữa, chúng ta thấy một mình qua sông dường như chưa hoàn toàn tâm nguyện, nên muốn mọi loài cùng được qua bờ kia an ổn, tự tại. Thế thì phải đóng thuyền lớn hơn, thuyền Lục độ hay có kinh nêu

đến Thập độ. Có thể nói một thuyền hay sáu thuyền, mười thuyền cũng được. Lục độ là bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiên định, trí tuệ, tất cả phải Ba-la-mật là rốt ráo, đến bờ kia. Nương sáu độ này là con đường hành Bồ tát đạo.

Mở đầu là Bố thí, nghĩa là buông xả. Có tài thí, pháp thí và vô úy thí nghĩa là dùng tài sản, thân mạng, ngôn ngữ cứu giúp cho chúng sanh khỏi khổ về vật chất và tinh thần.

Trì giới là giữ gìn cấm giới của Phật để ba nghiệp được thanh tịnh.

Tinh tấn là siêng năng, bền bỉ tu tập. Tinh tấn là sức mạnh đưa mũi tên đến được đích.

Nhẫn nhục, chịu những việc khó chịu, nhẫn những việc khó nhẫn. Vượt qua mọi thử thách.

Thiên định, tâm an định không để ngoại cảnh chi phối.

Trí tuệ, biết rõ thực tướng các pháp, không bị sáu trần lừa gạt. Có được phương tiện khéo để giáo hóa chúng sanh, đưa chúng sanh đến bờ giác ngộ.

Cả sáu điều này phải được thực hành một cách rất ráo là làm mà không chấp trước vào ngã và pháp. Dứt hết hai chấp này mới đến được bờ kia và đủ năng lực giúp người. Tây Du Ký, lúc Tam Tạng bị xô xuống thuyền không đáy diễn tả ý này.

Cuối cùng, nếu chúng ta có thể nhận ra không có giòng sông nào để qua. Mình đã ở bờ giác lâu rồi, chỉ vì ngủ quên nên nằm mơ thấy trôi lăn sanh tử mà thôi. Chỉ cần tỉnh dậy là được.

Bể khổ mênh mông, quay đầu là bờ.

Thì chỉ cần quay đầu lại mà không cần bè nào cả. Sanh tử và Niết-bàn ở

ngay trong một niệm, chỉ cách nhau bởi mê và tỉnh, bởi nhớ và quên.

“Chưa rời Đâu Suất, đã giáng vương cung. Chưa ra thai mẹ độ người đã xong”. Cho nên hãy tụng chú *Yết đế, yết đế...* Nhưng khoan đã, phải chiếu kiến ngũ uẩn giai không và không... không... đến *tát-bà-ha*.

*Giáo pháp của Như Lai
như chiếc bè
đưa người ta qua sông sanh tử,
qua sông khổ não, để đả bỏ nạng
để đả bỏ nạng*